

Tổng hợp ôn tập Reading DOL - LinearThinking

Đây là tóm tắt 8 bài học Reading theo phương pháp LinearThinking, giúp bạn nắm ý chính và áp dụng vào bài thi hiệu quả.

Lesson 1: Đọc Cấu Trúc

- **Ý chính:** Đừng dịch từng từ. Hãy tập trung vào cấu trúc chính (**S - V**) của câu để hiểu ý chính một cách nhanh nhất.
 - **Ví dụ:**
 - Câu: "To help combat coronavirus, **people** from all parts of the world **must take** wearing masks seriously."
 - Ý chính: **people must take**... (Mọi người phải thực hiện...)
-

Lesson 2: Câu 1 Vế & Câu 2 Vế

- **Ý chính:** Hiểu rõ câu đơn (1 vế) và câu ghép (2 vế) để không bị rối khi gặp câu dài.
 - **Pattern:**
 - **Câu 1 vế: S - V.**
 - **Câu 2 vế: S1 - V1, conjunction, S2 - V2.**
 - **Ví dụ (Câu 2 vế):**
 - Câu: "**While this part of the brain shrinks, another area can grow** with chronic stress."
 - Ý chính: Stress gây ra các ảnh hưởng khác nhau lên não (một phần co lại, phần khác lớn lên).
-

Lesson 3: Mệnh Đề Quan Hệ (Relative Clause)

- **Ý chính:** Mệnh đề quan hệ chỉ là phần phụ, dùng để bổ nghĩa cho danh từ đứng trước. Đừng để nó làm bạn rối.
 - **Pattern: S (who/which/that...) - V.**
 - **Ví dụ:**
 - Câu: "In some African countries, *where the weather is very extreme*, **scientists have found** a way to develop agriculture."
 - Ý chính: **Scientists have found** a way... (Các nhà khoa học đã tìm ra một cách...)
-

Lesson 4: Cụm Danh Từ (Noun Phrase)

- **Ý chính:** Cụm danh từ là một nhóm từ hoạt động như một danh từ. Chỉ cần xác định danh từ chính trong cụm là đủ hiểu.
- **Pattern: từ hạn định + tính từ + danh từ chính.**
- **Ví dụ:**
 - Câu: "An unexpectedly large **number of students** from different universities **attended** the event."
 - Ý chính: many **students attended** the event (Nhiều sinh viên đã tham dự sự kiện).

Lesson 5: Mệnh Đề Danh Từ (Noun Clause)

- **Ý chính:** Là một mệnh đề (**S+V**) nhưng đóng vai trò như một danh từ. Nó có thể xuất hiện ở các vị trí:
 - **Làm Chủ Ngữ:** [Mệnh đề danh từ] + V + ...
 - **Trong Verb Pattern:** S + V + [Mệnh đề danh từ]
 - **Sau một Danh từ:** Noun + [Mệnh đề danh từ]
 - **Pattern:** (**Wh-** + **S + V**) **V** ...
 - **Ví dụ:**
 - Câu: "**Whether we can go camping or not depends** on the weather."
 - Ý chính: weather => go camping or not (Thời tiết quyết định việc đi cắm trại).
-

Lesson 6: Tổng Hợp Các Cấu Trúc Câu

- **Ý chính:** Ôn lại các loại cấu trúc câu đã học và cách chúng được mở rộng.
 - **Các loại câu:**
 - **Cơ bản:** Câu 1 vế (**S-V**), Câu 2 vế (**S-V, S-V**).
 - **Mở rộng:** Một câu có thể được làm phức tạp hơn bằng cách thêm vào:
 - Cụm danh từ (Noun phrase)
 - Mệnh đề quan hệ (Relative clause)
 - Mệnh đề danh từ (Noun clause)
-

Lesson 7: Xử Lý Từ Vựng Khó

- **Ý chính:** Không cần biết hết từ vựng. Có thể đoán nghĩa dựa vào cấu trúc câu và ngữ cảnh.
 - **Ví dụ:**
 - Câu: "Due to the **lenient** law system, the **crime rates are** high."
 - Suy luận: "**lenient**" phải là một tính từ tiêu cực hoặc có nghĩa lỏng lẻo, dễ dãi thì mới làm cho "**crime rates are** high".
-

Lesson 8: Học Từ Vựng Theo Tư Duy Tuyến Tính

- **Ý chính:** Thay vì học từ vựng ngẫu nhiên, hãy học theo một hệ thống logic (model) để dễ nhớ và áp dụng.
- **Pattern (Ví dụ):** Advantages/Disadvantages, Do's/Don'ts, Timeline...